

UBND QUẬN NGÔ QUYỀN  
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	1,065 m <sup>2</sup> /hs
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	1,065 m <sup>2</sup> /hs
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	07	0,33 m <sup>2</sup> /hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	0,33 m <sup>2</sup> /hs
7	Bình quân lớp/phòng học	27/27	27lớp/27phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	1172/27	43,4 hs/lớp
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m <sup>2</sup> )	5.700m <sup>2</sup>	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )	4.360m <sup>2</sup>	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.104 m <sup>2</sup>	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1.248 m <sup>2</sup> /26 p	48 m <sup>2</sup> /phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	265 m <sup>2</sup> /10 p	53 m <sup>2</sup> /phòng



3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	48 m <sup>2</sup>	48 m <sup>2</sup> /p
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	485 m <sup>2</sup>	485 m <sup>2</sup>
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	28 m <sup>2</sup>	28 m <sup>2</sup> /p
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>07</b>	<b>0.6 bộ/lớp</b>
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	02 bộ/3lớp	
1.2	Khối lớp 7	02 bộ/4lớp	
1.3	Khối lớp 8	02 bộ/2lớp	
1.4	Khối lớp 9	01 bộ/3lớp	
2	Tổng số thiết bị dạy học còn thiếu so với theo quy định		
2.1	Khối lớp 6	02 bộ	
2.2	Khối lớp 7	02 bộ	
2.3	Khối lớp 8	01 bộ	
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>85 bộ</b>	<b>0.07 hs/bộ</b>
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	34	

HỒ Q  
 PHÒNG  
 HỌC C  
 ANH TRU  
 \*

2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
5	projector	05	
6	Máy ảnh	00	
7	Máy in	06	
8	Máy Photo copy	02	
9	Nhạc cụ ( Đàn OORGAN)	01	

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên		Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
		Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		4			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*						0.5m <sup>2</sup> /1hs

(\*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XV	Tường rào xây	X	

Phường Vạn Mỹ, ngày 01 tháng 09 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG  
Vũ Hoa Huệ